

AMP Standard Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	12332.96	15462.53	15462.53
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	12332.96	15462.53	15462.53
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	12193.36	15279.86	15279.86
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	12193.36	15279.86	15279.86
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	10713.1	13734.84	13734.84
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	10713.1	13734.84	13734.84
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	10675.71	13500.25	13500.25
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	10675.71	13500.25	13500.25
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	12260.11	15380.86	15380.86
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	12260.11	15380.86	15380.86
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	12043.57	15089.39	15089.39
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	12043.57	15089.39	15089.39
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	10777.74	13931.39	13931.39
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	10777.74	13931.39	13931.39
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	10543.16	13309.78	13309.78
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	10543.16	13309.78	13309.78

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

AMP Standard Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	289.3	289.3	289.3	289.3
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.94	289.3	289.3	289.3	289.3
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.94	279.32	279.32	279.32	279.32
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	239.64	239.64	239.64	239.64
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.94	239.64	239.64	239.64	239.64
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.94	245.57	245.57	245.57	245.57
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	290.77	290.77	290.77	290.77
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.29	290.77	290.77	290.77	290.77
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.29	280.79	280.79	280.79	280.79
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	241.11	241.11	241.11	241.11
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.29	241.11	241.11	241.11	241.11
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.29	250.45	250.45	250.45	250.45

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

AMP Fast Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	13339.97	16989.42	16989.42
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	12343.46	15484.3	15484.3
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	13446.93	17152.71	17152.71
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	12481.03	15691.32	15691.32

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

AMP Fast Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	320.56	320.56	320.56	320.56
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	275.73	275.73	275.73	275.73
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	320.18	320.18	320.18	320.18
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	277.21	277.21	277.21	277.21

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

SMP Standard Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	7406.16	10409.54	10409.54
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	8854.98	11871.27	11871.27
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	7404.95	10407.81	10407.81
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	112.48	8829.22	11871.26	11871.26
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	112.48	8235.71	11549.96	11549.96
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	7384.46	10400.93	10400.93
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	8653.31	11584.44	11584.44
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	7383.25	10399.2	10399.2
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	112.48	8822.3	11862.66	11862.66
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	112.48	8030.38	11279.04	11279.04

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

SMP Standard Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	57.49	167.88	167.88	167.88	167.88
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	57.49	194.69	194.69	194.69	194.69
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	57.49	163.12	163.12	163.12	163.12
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	57.49	194.69	194.69	194.69	194.69
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	57.49	183.1	183.1	183.1	183.1
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	56.84	169.35	169.35	169.35	169.35
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	56.84	196.17	196.17	196.17	196.17
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	56.84	162.2	162.2	162.2	162.2
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	56.84	196.17	196.17	196.17	196.17
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	56.84	184.57	184.57	184.57	184.57

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

SMP Fast Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	8118.5	11515.48	11515.48
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	9748.22	13053.76	13053.76
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	8116.85	11513.12	11513.12
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	8105.13	11506.87	11506.87
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	9500.97	12701.83	12701.83
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	8103.48	11504.51	11504.51

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

SMP Fast Ocean Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	57.49	212.05	212.05	212.05	212.05
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	57.49	245.82	245.82	245.82	245.82
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	57.49	206.68	206.68	206.68	206.68
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	56.84	213.52	213.52	213.52	213.52
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	56.84	247.29	247.29	247.29	247.29
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	56.84	207.43	207.43	207.43	207.43

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

MSS Standard Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	6864.2	9635.3	9635.3
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	6864.2	9635.3	9635.3
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	8096.54	10824.58	10824.58
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	8096.54	10824.58	10824.58
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	7862.94	11695.51	11695.51
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	7862.94	11695.51	11695.51
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	9498.88	13229.75	13229.75
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	9498.88	13229.75	13229.75
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	8836.44	12102.1	12102.1
	US East	Baltimore	XLX1	HB	112.48	10041.68	13397.57	13397.57
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	112.48	10041.68	13397.57	13397.57
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	6791.35	9553.63	9553.63
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	6791.35	9553.63	9553.63
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	7946.75	10634.11	10634.11
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	7946.75	10634.11	10634.11
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	7927.58	11892.06	11892.06
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	7927.58	11892.06	11892.06
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	9366.33	13039.28	13039.28
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	9366.33	13039.28	13039.28
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	8841.72	12093.49	12093.49
	US East	Baltimore	XLX1	HB	112.48	10010.38	13388.97	13388.97
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	112.48	10010.38	13388.97	13388.97

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

MSS Standard Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	176.43	176.43	176.43	176.43
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.94	176.43	176.43	176.43	176.43
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.94	197.57	197.57	197.57	197.57
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	172.48	172.48	172.48	172.48
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.94	172.48	172.48	172.48	172.48
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.94	202.27	202.27	202.27	202.27
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	99.94	276.43	276.43	276.43	276.43
	US East	Baltimore	XLX1	HB	99.94	400.49	400.49	400.49	400.49
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	99.94	400.49	400.49	400.49	400.49
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	177.9	177.9	177.9	177.9
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.29	177.9	177.9	177.9	177.9
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.29	199.04	199.04	199.04	199.04
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	173.95	173.95	173.95	173.95
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.29	173.95	173.95	173.95	173.95
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.29	207.15	207.15	207.15	207.15
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	99.29	277.91	277.91	277.91	277.91
	US East	Baltimore	XLX1	HB	99.29	401.96	401.96	401.96	401.96
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	99.29	401.96	401.96	401.96	401.96

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

MSS Fast Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	8350.49	11846.89	11846.89
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	9585.5	13576.7	13576.7
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	10317.2	14621.97	14621.97
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	8224.31	11677.12	11677.12
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	9448.81	13391.92	13391.92
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	10368.36	14705.55	14705.55

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

MSS Fast Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	208.75	208.75	208.75	208.75
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	204.54	204.54	204.54	204.54
	US West	Los Angeles	XLX7	HB	99.94	315.89	315.89	315.89	315.89
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	210.33	210.33	210.33	210.33
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	206.02	206.02	206.02	206.02
	US West	Los Angeles	XLX7	HB	99.29	323.44	323.44	323.44	323.44

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

Ship to AWD Standard Ocean FCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026			
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	20GP	40GP	40HQ
Hải Phòng	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	112.48	7965.85	11209.09	11209.09
	US East	Baltimore	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	112.48	8337.12	11836.9	11836.9
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	112.48	7463.39	10491.3	10491.3
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	112.48	7868.31	11264.62	11264.62
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	112.48	7892.55	11126.78	11126.78
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	112.48	8343.3	11828.29	11828.29
	US East	Baltimore	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	112.48	7441.69	10482.69	10482.69
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	112.48	7885.24	11256.0	11256.0
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	106.0	6924.58	9752.5	9752.5
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	106.0	7342.58	10481.29	10481.29

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

Ship to AWD Standard Ocean LCL (USD)					Hiệu lực: 22/10/2026				
Cảng xuất	Khu vực đến	Thành phố đến	Amazon FC	Loại FC	Phí cố định (USD/lô hàng)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hải Phòng	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	99.94	188.11	188.11	188.11	188.11
	US East	New York	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	99.94	260.69	260.69	260.69	260.69
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	99.94	170.21	170.21	170.21	170.21
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	99.94	211.8	211.8	211.8	211.8
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	99.29	189.59	189.59	189.59	189.59
TP. Hồ Chí Minh	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	99.29	262.16	262.16	262.16	262.16
	US East	New York	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	99.29	171.68	171.68	171.68	171.68
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	99.29	208.9	208.9	208.9	208.9
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	93.57	169.98	169.98	169.98	169.98
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	93.57	205.05	205.05	205.05	205.05

Lưu ý: Giá USD cuối cùng có thể thay đổi theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao dịch.

AMP Standard Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	289.3	289.3	289.3	289.3
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.94	289.3	289.3	289.3	289.3
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.94	279.32	279.32	279.32	279.32
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	239.64	239.64	239.64	239.64
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.94	239.64	239.64	239.64	239.64
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.94	245.57	245.57	245.57	245.57
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	290.77	290.77	290.77	290.77
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.29	290.77	290.77	290.77	290.77
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.29	280.79	280.79	280.79	280.79
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	241.11	241.11	241.11	241.11
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.29	241.11	241.11	241.11	241.11
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.29	250.45	250.45	250.45	250.45

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

AMP Fast Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	13339.97	16989.42	16989.42
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	12343.46	15484.3	15484.3
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	13446.93	17152.71	17152.71
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	12481.03	15691.32	15691.32

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

AMP Fast Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	320.56	320.56	320.56	320.56
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	275.73	275.73	275.73	275.73
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	320.18	320.18	320.18	320.18
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	277.21	277.21	277.21	277.21

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

SMP Standard Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	7406.16	10409.54	10409.54
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	8854.98	11871.27	11871.27
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	7404.95	10407.81	10407.81
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	112.48	8829.22	11871.26	11871.26
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	112.48	8235.71	11549.96	11549.96
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	7384.46	10400.93	10400.93
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	8653.31	11584.44	11584.44
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	7383.25	10399.2	10399.2
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	112.48	8822.3	11862.66	11862.66
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	112.48	8030.38	11279.04	11279.04

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

SMP Standard Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	57.49	167.88	167.88	167.88	167.88
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	57.49	194.69	194.69	194.69	194.69
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	57.49	163.12	163.12	163.12	163.12
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	57.49	194.69	194.69	194.69	194.69
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	57.49	183.1	183.1	183.1	183.1
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	56.84	169.35	169.35	169.35	169.35
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	56.84	196.17	196.17	196.17	196.17
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	56.84	162.2	162.2	162.2	162.2
	US North-East	New York	ABE8/AVP1/SWF2/TEB9	Sort	56.84	196.17	196.17	196.17	196.17
	US South-East	Savannah	CLT2	Sort	56.84	184.57	184.57	184.57	184.57

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

SMP Fast Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	8118.5	11515.48	11515.48
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	9748.22	13053.76	13053.76
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	8116.85	11513.12	11513.12
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	112.48	8105.13	11506.87	11506.87
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	112.48	9500.97	12701.83	12701.83
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	112.48	8103.48	11504.51	11504.51

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

SMP Fast Ocean Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	57.49	212.05	212.05	212.05	212.05
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	57.49	245.82	245.82	245.82	245.82
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	57.49	206.68	206.68	206.68	206.68
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	LGB8/ONT8/SBD1	Sort	56.84	213.52	213.52	213.52	213.52
	US North-Central	Los Angeles	LAS1	Sort	56.84	247.29	247.29	247.29	247.29
	US South-Central	Los Angeles	LAX9/PSP3	Sort	56.84	207.43	207.43	207.43	207.43

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

MSS Standard Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	6864.2	9635.3	9635.3
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	6864.2	9635.3	9635.3
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	8096.54	10824.58	10824.58
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	8096.54	10824.58	10824.58
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	7862.94	11695.51	11695.51
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	7862.94	11695.51	11695.51
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	9498.88	13229.75	13229.75
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	9498.88	13229.75	13229.75
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	8836.44	12102.1	12102.1
	US East	Baltimore	XLX1	HB	112.48	10041.68	13397.57	13397.57
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	112.48	10041.68	13397.57	13397.57
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	6791.35	9553.63	9553.63
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	112.48	6791.35	9553.63	9553.63
	US East	Baltimore	HGR6/HIA1	Sort	112.48	7946.75	10634.11	10634.11
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	112.48	7946.75	10634.11	10634.11
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	7927.58	11892.06	11892.06
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	112.48	7927.58	11892.06	11892.06
	US East	Norfolk	XPH1	Non-Sort	112.48	9366.33	13039.28	13039.28
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	112.48	9366.33	13039.28	13039.28
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	8841.72	12093.49	12093.49
	US East	Baltimore	XLX1	HB	112.48	10010.38	13388.97	13388.97
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	112.48	10010.38	13388.97	13388.97

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

MSS Standard Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	176.43	176.43	176.43	176.43
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.94	176.43	176.43	176.43	176.43
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.94	197.57	197.57	197.57	197.57
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	172.48	172.48	172.48	172.48
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.94	172.48	172.48	172.48	172.48
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.94	202.27	202.27	202.27	202.27
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	99.94	276.43	276.43	276.43	276.43
	US East	Baltimore	XLX1	HB	99.94	400.49	400.49	400.49	400.49
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	99.94	400.49	400.49	400.49	400.49
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	177.9	177.9	177.9	177.9
	US West	Oakland	HLI2/TCY1/TCY2	Sort	99.29	177.9	177.9	177.9	177.9
	US East	New York	HEA2/WBW2	Sort	99.29	199.04	199.04	199.04	199.04
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	173.95	173.95	173.95	173.95
	US West	Seattle	OLM1/XSE2	Non-Sort	99.29	173.95	173.95	173.95	173.95
	US East	Savannah	XAV3	Non-Sort	99.29	207.15	207.15	207.15	207.15
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	99.29	277.91	277.91	277.91	277.91
	US East	Baltimore	XLX1	HB	99.29	401.96	401.96	401.96	401.96
	US East	Norfolk	XIC3/XRI3	HB	99.29	401.96	401.96	401.96	401.96

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

MSS Fast Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	8350.49	11846.89	11846.89
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	9585.5	13576.7	13576.7
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	10317.2	14621.97	14621.97
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	112.48	8224.31	11677.12	11677.12
	US West	Los Angeles	SBD3/XLA4	Non-Sort	112.48	9448.81	13391.92	13391.92
	US West	Los Angeles	QXY2/XLX7	HB	112.48	10368.36	14705.55	14705.55

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

MSS Fast Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.94	208.75	208.75	208.75	208.75
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.94	204.54	204.54	204.54	204.54
	US West	Los Angeles	XLX7	HB	99.94	315.89	315.89	315.89	315.89
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	POC1/POC2/POC3/XSN2	Sort	99.29	210.33	210.33	210.33	210.33
	US West	Los Angeles	SBD3	Non-Sort	99.29	206.02	206.02	206.02	206.02
	US West	Los Angeles	XLX7	HB	99.29	323.44	323.44	323.44	323.44

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

Ship to AWD Standard Ocean FCL (USD)					Effective: 22/10/2026			
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	20GP	40GP	40HQ
Hai Phong	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	112.48	7965.85	11209.09	11209.09
	US East	Baltimore	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	112.48	8337.12	11836.9	11836.9
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	112.48	7463.39	10491.3	10491.3
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	112.48	7868.31	11264.62	11264.62
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	112.48	7892.55	11126.78	11126.78
Ho Chi Minh City	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP/IUSQ	Amazon Upstream Storage US	112.48	7892.55	11126.78	11126.78
	US East	Baltimore	IUSL/IUST	Amazon Upstream Storage US	112.48	8343.3	11828.29	11828.29
	US South-Central	Houston	IUSF	Amazon Upstream Storage US	112.48	7441.69	10482.69	10482.69
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	112.48	7885.24	11256.0	11256.0
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	106.0	7342.58	10481.29	10481.29

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.

Ship to AWD Standard Ocean LCL (USD)					Effective: 22/10/2026				
Origin Port	Destination Region	Destination City	Amazon FC	FC Type	Fixed Fee (USD/shipment)	1-5 CBMS (USD/cbm)	5-10 CBMS (USD/cbm)	10-15 CBMS (USD/cbm)	> 15 CBMS (USD/cbm)
Hai Phong	US West	Los Angeles	IUSJ/IUSP	Amazon Upstream Storage US	99.94	188.11	188.11	188.11	188.11
	US East	New York	IUST	Amazon Upstream Storage US	99.94	260.69	260.69	260.69	260.69
	US South-Central	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	99.94	170.21	170.21	170.21	170.21
	US West Pallets	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	99.94	211.8	211.8	211.8	211.8
	US South-East	Los Angeles	IUSJ/IUSP	Amazon Upstream Storage US	99.29	189.59	189.59	189.59	189.59
Ho Chi Minh City	US West	New York	IUST	Amazon Upstream Storage US	99.29	262.16	262.16	262.16	262.16
	US East	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	99.29	171.68	171.68	171.68	171.68
	US South-Central	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	99.29	208.9	208.9	208.9	208.9
	US West Pallets	Los Angeles	IUSW/IUTE/IUTJ/IUTL	Amazon Upstream Storage US	93.57	169.98	169.98	169.98	169.98
	US South-East	Savannah	IUSR	Amazon Upstream Storage US	93.57	205.05	205.05	205.05	205.05

Note: The final USD price may vary depending on the actual foreign exchange rate at the time of transaction.